TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2020
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thùy Lê và bà Bùi Thị Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Loan - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị La Thị T, sinh năm 1993
Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện HN, tỉnh Bình Định

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2020 và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn chị La Thị T trình bày: Chị T và anh Nguyễn Hữu S tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 03/06/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện HN, tỉnh Bình Định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và cách chi tiêu trong gia đình. Anh S dùng tiền chung của vợ chồng cho anh, em bên chồng mượn nhưng không nói với chị T. Anh S đưa tiền, vàng cho mẹ cất giữ, khi cần chi tiêu thì nói mẹ đưa, việc này lập lại nhiều lần. Chị T nói anh S thì anh S nói tiền bạc đưa anh em mượn không liên quan gì đến chị. Sau khi cưới, vợ chồng ở tại Bình Định, lâu lâu mới về nhà mẹ anh S ở thời gian ngắn nhưng mẹ anh S gây khó dễ, không hài lòng về sinh hoạt hàng ngày. Mẹ anh S luôn kiếm chuyện để chửi bới chị T, mục đích là để anh S nghe được, đuổi mẹ con chị T đi và anh S đã đuổi chị T đi nhiều lần. Lúc trước chị T có nộp đơn tại tòa án để yêu cầu

Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng anh S năn nỉ nên chị T đồng ý rút đơn để vợ chồng hòa giải. Nhưng anh S vẫn không sửa đổi, chị T và mẹ chồng tiếp tục mâu thuẫn. Vợ chồng không sống chung từ tháng 03 năm 2019 đến nay. Chị T và anh S không còn tình cảm nên yêu cầu giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị T thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quỳnh Khánh Đ, sinh ngày 21/9/2017 và Nguyễn La Nhật B, sinh ngày 09/11/2011, hiện 02 con đang sống với chị. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/ tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị La Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Hữu S trình bày: Anh S và chị T tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2011. Mâu thuẫn vợ chồng do anh S đi biển thường xuyên không có ở nhà, lâu lâu về được vài ngày xong lại đi làm tiếp, thời gian vợ chồng sống xa nhau nhiều nên tình cảm không còn. Nay chị T yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh S đồng ý.

Về con chung: Anh S xác định có 02 con chung là Nguyễn Quỳnh Khánh Đ, sinh ngày 21/9/2017, Nguyễn La Nhật B, sinh ngày 09/11/2011, hiện 02 con đang ở với chị T. Khi ly hôn, anh S đồng ý giao hai con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi như yêu cầu của chị T.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Hữu S không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

- Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là vi phạm điều 70, điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Về con chung: Giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng/cháu. Về tài sản chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ S vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Tuy An nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn có đơn yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị T và anh Nguyễn Hữu S tự nguyện tìm hiểu và hôn nhân, đã đăng ký kết hôn ngày 03/06/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Hoài Hương, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong việc quản lý tài sản chung và chị T không hòa hợp với gia đình chồng. Chị T thừa nhận vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và không còn chung sống từ tháng 03/2019.

Anh S cho rằng mâu thuẫn là do anh thường xuyên đi làm ăn xa nên thời gian vợ chồng sống xa nhau nhiều, tình cảm không còn, nên đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của chị T và anh S là trầm trọng do mâu thuẫn kéo dài và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn nên đời sống chung của vợ chồng thực tế không tồn tại, vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, cho chị T được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị T, anh S thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Quỳnh Khánh Đ, sinh ngày 21/9/2017 (Giới tính: Nữ) và Nguyễn La Nhật B, sinh ngày 09/11/2011 (Giới tính: Nam), hiện 02 con chung đang sống với chị T và chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Chị T yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng/cháu.

Anh S đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và đồng ý yêu cầu cấp dưỡng của chị T. Cháu B có nguyện vọng ở với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian vợ chồng không còn sống chung, chị T nuôi dưỡng con chung bảo đảm sự phát triển bình thường của các con, đồng thời cháu B có nguyện vọng ở với mẹ nên tiếp tục giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng; Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 1.000.000đ/tháng; Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2020 và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng khi phát sinh một trong các trường hợp được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vì đã nộp tạm ứng án phí; Anh S phải chịu án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị La Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu S.

2. Về con chung:

- Giao chị La Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Quỳnh Khánh Đ, sinh ngày 21/9/2017 (Giới tính: Nữ), Nguyễn La Nhật B, sinh ngày 09/11/2011 (Giới tính: Nam).

- Anh Nguyễn Hữu S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quỳnh Khánh Đ mỗi tháng 1.000.000đ *(Một triệu đồng),* cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn La Nhật B mỗi tháng 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*; Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2020 và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng khi phát sinh một trong các trường hợp được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị La Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004378 ngày 03/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An.

- Anh Nguyễn Hữu S phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng định kỳ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*** *Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- UBND xã Hoài Hương, H. Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Tùng